TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Bà Huỳnh Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1995.

Cư trú tại: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng S, sinh năm 1996.

Cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Chị Trần Thị K và anh Lê Hoàng S quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng, đến ngày 30 tháng 11 năm 2016, chị K, anh S đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 121, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị K và anh S không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, chị K và anh S có một con chung tên Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016, hiện nay cháu V đang chung sống với chị K.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có.

Chị Trần Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị K yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng S.

- Về con chung: Chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016 đến tuổi thành niên, chị K yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 08/TB-TLVA ngày 08 tháng 01 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lê Hoàng S, nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị K. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh S trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về án phí, nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn và bị

đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị K cư trú tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, anh Lê Hoàng S cư trú tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị K có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S, yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị K đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị K nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị K đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị K là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Lê Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Hoàng S. Nguyên đơn chị Trần Thị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị K.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K, sinh năm 1995 và anh Lê Hoàng S, sinh năm 1996 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, ngày 30 tháng 11 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị K và anh Lê Hoàng S là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Trần Thị K, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị K, anh S hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh S có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị K và anh S không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay và chị K, anh S đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

[5] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị K, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi sinh ra cho đến nay cháu V đều do chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu V gắn bó với chị K nhiều hơn và cũng để cho cháu V ổn định cuộc sống nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu V cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019, chị K yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu V hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị K yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" và chị K yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 745.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị K, buộc anh Lê Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016 với mức cấp dưỡng hàng tháng 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi là đúng pháp luật.

[7] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, anh Lê Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị K.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Trần Thị K là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh Lê Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Lê Hoàng S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016 cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Lê Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị K.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2016, với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/3/2020 cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Chị Trần Thị K là người đại diện hợp pháp của cháu Lê Trần Thảo V là người đại diện nhận tiền cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0000380 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Trần Thị K đã nộp xong án phí. Anh Lê Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn